

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2024.
V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Mai Thị Huệ.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:

Ông Lê Viết Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 242/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Tổ B, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Tổ A, Khu A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2024, bản tự khai ngày 19/4/2024 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày: Chị và anh S xây dựng gia đình với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai ngày 20/5/2014. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2021, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh S không lo làm ăn thường tụ tập bạn bè ăn chơi cũng không quan tâm gì đến vợ, con. Đến năm 2022, anh S vi phạm pháp luật đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử và hiện đang chấp hành án tại Trại giam X, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, chị không còn quan tâm gì đến anh S, chị yêu cầu được ly hôn anh S.

Về con chung: Có 02 cháu. Nguyễn Anh T1, sinh ngày 14/5/2013; Nguyễn Trọng N, sinh ngày 30/5/2019. Hiện chị đang nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

+ *Tại bản khai ngày 26/6/2024, bị đơn anh Nguyễn Thanh S trình bày:* Anh và chị T xây dựng gia đình với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai ngày 20/5/2014. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2022 anh đã vi phạm pháp luật hình sự, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử và hiện đang chấp hành án tại Trại giam X. Nay, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Có 02 cháu. Nguyễn Anh T1, sinh ngày 14/5/2013; Nguyễn Trọng N, sinh ngày 30/5/2019. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh S.

Về con chung: Có 02 cháu. Nguyễn Anh T1, sinh ngày 14/5/2013; Nguyễn Trọng N, sinh ngày 30/5/2019. Thời gian qua chị T chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt nên giao 02 cháu. Nguyễn Anh T1, Nguyễn Trọng N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị T và bị đơn anh S đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Thanh S cư trú tại: Xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Chị T có đơn tranh chấp ly hôn với anh S. Đây, là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Thanh S kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/5/2014 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, chị T và anh S có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, anh S không lo làm ăn và không quan tâm đến vợ, con. Đến năm 2022, anh S vi phạm pháp luật đã bị Tòa án tỉnh Đồng Nai xét xử, từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị T xác định, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được. Nhận thấy, điều kiện để chị T và anh S đoàn tụ chung sống với nhau là không có, tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị T và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 cháu. Nguyễn Anh T1, sinh ngày 14/5/2013; Nguyễn Trọng N, sinh ngày 30/5/2019, cháu T1 đã trên 07 tuổi. Qua tham khảo ý kiến của cháu, cháu có nguyện vọng được sống với chị T.

Xét thấy, thời gian qua chị T chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho 02 cháu. Giao 02 cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 14/5/2013 và Nguyễn Trọng N, sinh ngày 30/5/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng, chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T đối với anh Nguyễn Thanh S về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Thanh S.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 14/5/2013 và Nguyễn Trọng N, sinh ngày 30/5/2019 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Nguyễn Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con, anh S được quyền đến thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0015474 ngày 20/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. (chị T đã nộp đủ)

3- Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận :

- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND H. Long Thành (1);
- Chi cục THADS H. Long Thành (1);
- Các đương sự (2);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai(1);
- Lưu (3).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Cảnh